Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 353/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết Điều 13, Điều 19, Điều 20 của Luật Công nghiệp công nghệ số về hoạt động công nghiệp công nghệ số; tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số.

2. Nghị định này quy định biện pháp thi hành Điều 8 của Luật Công nghiệp công nghệ số và quy định chi tiết Điều 21 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

Chương II
HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều 3. Hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

a) Sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số được hưởng hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 28 của Luật Công nghiệp công nghệ số;

b) Ưu đãi thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 31 của Luật Công nghiệp công nghệ số;

c) Nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

2. Đối với đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp công nghệ số, khu công nghệ số tập trung được hưởng ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 21 và Điều 24 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

3. Đối với công nghiệp bán dẫn

a) Phát triển công nghiệp bán dẫn được hưởng cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Điều 39 của Luật Công nghiệp công nghệ số;

b) Doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 40 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

4. Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 29 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 4. Hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Sản xuất sản phẩm công nghệ số theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó:

a) Sản xuất sản phẩm phần cứng là việc thực hiện một hoặc một số công việc gồm: nghiên cứu và phát triển, thiết kế, chế tạo, lắp ráp, thử nghiệm, kiểm thử, đóng gói sản phẩm phần cứng và các công việc khác để sản xuất ra sản phẩm phần cứng;

b) Sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung số là việc thực hiện một hoặc một số công việc gồm: nghiên cứu và phát triển, phân tích, sáng tạo, thiết kế, lập trình, thử nghiệm, kiểm thử, đóng gói sản phẩm phần mềm, nội dung số và các công việc khác để sản xuất ra sản phẩm phần mềm, nội dung số.

2. Cung cấp dịch vụ công nghệ số thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

Chương III
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều 5. Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao

Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là cá nhân đang hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số, thuộc một trong các đối tượng sau:

1. Nhân sự đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số đáp ứng quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Người tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Người làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu đáp ứng quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan nhà nước đáp ứng quy định tại Điều 9 Nghị định này.

5. Cá nhân có đóng góp nổi bật trong lĩnh vực công nghệ số đáp ứng quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 6. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là nhân sự đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số

Nhân sự đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Là chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc điều hành hoặc tương đương của doanh nghiệp công nghệ số trong 03 năm gần nhất có 01 năm doanh thu đạt từ 26.000 tỷ đồng trở lên theo báo cáo tài chính được công bố.

2. Là nhân sự tham gia trực tiếp vào hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Là người Việt Nam có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 05 lần GDP bình quân đầu người của Việt Nam theo công bố của Việt Nam;

b) Là người nước ngoài, đang làm việc tại quốc gia phát triển theo công bố của Liên hợp quốc (United Nations) hoặc Ngân hàng Thế giới (World Bank), có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 03 lần GDP bình quân đầu người tại quốc gia mà người đó làm việc theo công bố của quốc gia đó;

c) Là người nước ngoài, không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này, có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 05 lần GDP bình quân đầu người tại quốc gia mà người đó làm việc theo công bố của quốc gia đó.

Điều 7. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học

Người mới tốt nghiệp trong vòng 03 năm tại các cơ sở giáo dục đại học là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên các ngành đúng và các ngành gần đào tạo về công nghệ số, công nghệ thông tin tại cơ sở giáo dục đại học thuộc danh sách 500 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu thế giới theo một trong những bảng xếp hạng được công bố gần nhất của các tổ chức: Quacquarelli Symonds của Anh, Times Higher Education của Anh, Shanghai Ranking Consultancy của Trung Quốc, U.S. News & World Report của Mỹ hoặc bảng xếp hạng theo công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

2. Tốt nghiệp đại học loại xuất sắc trở lên các ngành đúng và các ngành gần đào tạo về công nghệ số, công nghệ thông tin tại cơ sở giáo dục đại học thuộc danh sách 50 cơ sở giáo dục hàng đầu của bảng xếp hạng có uy tín trong nước theo pháp luật về giáo dục đại học.

Điều 8. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là người làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu

Người làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Là trưởng khoa, viện trưởng hoặc tương đương trở lên đang làm việc, quản lý các khoa, viện, trường hoặc cơ sở nghiên cứu về công nghệ số, công nghệ thông tin của cơ sở giáo dục đại học thuộc danh sách 500 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu thế giới theo một trong những bảng xếp hạng được công bố gần nhất của các tổ chức: Quacquarelli Symonds của Anh, Times Higher Education của Anh, Shanghai Ranking Consultancy của Trung Quốc, U.S. News & World Report của Mỹ hoặc bảng xếp hạng theo công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

2. Là giảng viên, nhà khoa học có trình độ tiến sĩ trở lên, có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm làm việc, nghiên cứu về công nghệ số, công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc danh sách 500 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu thế giới theo một trong những bảng xếp hạng được công bố gần nhất của các tổ chức: Quacquarelli Symonds của Anh, Times Higher Education của Anh, Shanghai Ranking Consultancy của Trung Quốc, U.S. News & World Report của Mỹ hoặc bảng xếp hạng theo công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

Điều 9. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan nhà nước

Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan nhà nước là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Giữ chức vụ từ trưởng phòng hoặc tương đương tại cơ quan cấp Vụ, Cục thuộc Bộ, cấp Sở trở lên trực tiếp xây dựng, quản lý, thực thi chính sách về công nghiệp công nghệ số, công nghiệp công nghệ thông tin; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng về công nghệ số, công nghệ thông tin.

2. Là công chức, viên chức đã được tiếp nhận, bổ nhiệm trong vòng không quá 03 năm theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

3. Là công chức, viên chức đáp ứng quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Điều 10. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là cá nhân có đóng góp nổi bật trong lĩnh vực công nghệ số

Cá nhân có đóng góp nổi bật trong lĩnh vực công nghệ số là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Trong vòng 05 năm gần nhất có bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí thuộc nhóm Q1 theo Scopus/Web of Science.

2. Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ; đồng thời đối tượng đó phải là công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 11. Chính sách đối với nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao

1. Nhân lực đáp ứng tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách ưu đãi quy định tại Điều 19 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

2. Các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công có trách nhiệm ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành hướng dẫn về quy trình, thủ tục áp dụng chính sách ưu đãi (nếu có) và tổ chức thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo quy định tại Điều 19 của Luật Công nghiệp công nghệ số đối với nhân lực đáp ứng tiêu chí quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số

1. Nhân tài công nghệ số được hưởng các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Điều 54 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn chi tiết.

2. Trường hợp cần thiết, bộ, ngành, địa phương quyết định chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với nhân tài công nghệ số theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Công nghiệp công nghệ số trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

Chương IV
THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ

Điều 13. Mục tiêu của thử nghiệm

1. Tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm được miễn tuân thủ một số quy định pháp luật nhất định trong một khoảng thời gian, không gian, phạm vi giới hạn.

2. Khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo, thúc đẩy thông minh hóa các ngành, lĩnh vực.

3. Tạo môi trường thử nghiệm nhằm đánh giá các tính năng, rủi ro, chi phí và lợi ích của sản phẩm, dịch vụ mới.

4. Kiểm soát, hạn chế các rủi ro có thể xảy ra khi ứng dụng sản phẩm, dịch vụ mới.

5. Kết quả thử nghiệm là cơ sở để cơ quan nhà nước xem xét, đánh giá các rủi ro có thể phát sinh trước khi quyết định điều chỉnh các quy định pháp luật có liên quan để đưa sản phẩm, dịch vụ mới vào sử dụng, cung cấp ra thị trường.

Điều 14. Các chủ thể liên quan trong cơ chế thử nghiệm

1. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có kiểm soát.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có kiểm soát.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm có kiểm soát.

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 15. Điều kiện, tiêu chí đối với sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm

Sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chí như sau:

1. Là sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, được hình thành thông qua hội tụ, tích hợp, kết hợp giữa các công nghệ số với nhau hoặc giữa công nghệ số với sản phẩm, dịch vụ của các ngành, lĩnh vực khác.

2. Việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ này pháp luật chưa có quy định hoặc khác với quy định pháp luật hiện hành, dẫn đến việc không triển khai được.

3. Tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thử nghiệm đã xây dựng phương án quản lý, khắc phục rủi ro và bảo vệ quyền lợi người tham gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thử nghiệm.

4. Việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ này có tính đổi mới sáng tạo, có khả năng đem lại lợi ích, giá trị gia tăng, thúc đẩy sự phát triển của công nghệ.

Điều 16. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) tiếp nhận, phối hợp với bộ chuyên ngành, các cơ quan liên quan xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số khi không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm được giới hạn tại một hoặc một số khu vực, địa bàn hoặc toàn bộ địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thuộc lĩnh vực quản lý của mình khi không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm được giới hạn tại một số khu vực, địa bàn hoặc toàn bộ địa bàn thuộc từ 02 tỉnh trở lên.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp cho ý kiến căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực trong quá trình xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm. Trường hợp có khó khăn vướng mắc về thẩm quyền cấp phép thử nghiệm, Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thực hiện theo pháp luật về dữ liệu.

Điều 17. Nguyên tắc xét duyệt tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm

1. Bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong việc tham gia và thực hiện các quyền, nghĩa vụ trong quá trình thử nghiệm.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch về tiêu chí, điều kiện, quy trình đánh giá lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm.

Điều 18. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm

1. Thời gian thử nghiệm

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm quyết định thời gian thử nghiệm nhưng không quá 03 năm tính từ thời điểm được cấp phép thử nghiệm. Thời gian gia hạn thử nghiệm tối đa 03 năm tính từ thời điểm được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm cho phép gia hạn và chỉ được gia hạn tối đa 01 lần.

2. Không gian thử nghiệm

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm quyết định không gian thử nghiệm được giới hạn tại một hoặc một số khu vực, địa bàn, hoặc toàn bộ địa bàn thuộc một tỉnh hoặc tại một số khu vực, địa bàn, hoặc toàn bộ địa bàn thuộc một số tỉnh.

3. Phạm vi và đối tượng thử nghiệm

Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm chỉ được cung cấp sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm trong phạm vi, đối tượng thử nghiệm được quy định tại Quyết định cấp phép thử nghiệm.

Điều 19. Tạm dừng thử nghiệm

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm xem xét, quyết định tạm dừng thử nghiệm trong một trong các trường hợp sau đây:

a) Khi xảy ra sự cố trong quá trình thử nghiệm;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố, cần bổ sung các biện pháp kiểm soát rủi ro để bảo đảm an toàn trong thử nghiệm;

c) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố hoặc cần bổ sung các biện pháp kiểm soát rủi ro để bảo đảm an toàn trong thử nghiệm hoặc phát sinh các vấn đề khác theo báo cáo, giải trình kèm theo.

2. Thời gian tạm dừng thử nghiệm do cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm quyết định và không được tính vào thời hạn thử nghiệm ghi trên Quyết định cấp phép thử nghiệm; thời hạn thử nghiệm sẽ được tự động kéo dài tương ứng với thời gian tạm dừng thử nghiệm.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm quyết định tạm dừng trong các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này bằng Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Tạm dừng thử nghiệm tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định tạm dừng thử nghiệm, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm phải khắc phục sự cố hoặc đưa ra phương án khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn để tiếp tục triển khai. Tổ chức, doanh nghiệp có báo cáo bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm và chỉ được tiếp tục triển khai thử nghiệm sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

5. Quá thời hạn 30 ngày trên đây, trường hợp tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm không khắc phục sự cố và không đưa ra phương án khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn để tiếp tục triển khai thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm ban hành Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

Điều 20. Kết thúc thử nghiệm

Các trường hợp kết thúc thử nghiệm bao gồm:

1. Kết thúc thử nghiệm đúng thời hạn theo Quyết định cấp phép thử nghiệm.

2. Kết thúc thử nghiệm trước thời hạn

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm xem xét, quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn bằng Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn theo Mẫu số TNCNS07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này trong các trường hợp sau:

a) Quy định pháp lý chính thức đối với sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm đã được hoàn thiện và có hiệu lực;

b) Có đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn từ phía tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm;

c) Phát hiện tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm cung cấp thông tin sai lệch, gian lận;

d) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm mà không triển khai thử nghiệm sau 90 ngày kể từ ngày được phê duyệt cấp phép thử nghiệm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm;

đ) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm không thực hiện đúng, đủ các nội dung tại Quyết định cấp phép thử nghiệm và theo các cam kết tại hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm;

e) Khi xảy ra sự cố lớn mang tính hệ thống, gây thiệt hại không thể khắc phục, ảnh hưởng đến an toàn công cộng hoặc tính mạng, sức khỏe con người hoặc phá hoại trật tự thị trường;

g) Kết thúc thử nghiệm trước thời hạn trong trường hợp tại khoản 5 Điều 19 Nghị định này.

Điều 21. Quyền và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình thử nghiệm; đánh giá tình hình thực hiện; đánh giá việc áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro của tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thử nghiệm; đẩy mạnh chuyển đổi số, ưu tiên giám sát và kết nối trực tuyến với doanh nghiệp trong hoạt động kiểm tra thử nghiệm.

2. Yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm bổ sung các biện pháp kiểm soát rủi ro khi có nguy cơ xảy ra sự cố mất an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này; yêu cầu báo cáo, giải trình về các vấn đề phát sinh.

3. Xem xét, quyết định cấp phép, gia hạn, tạm dừng, tiếp tục, điều chỉnh kế hoạch, phương án, kết thúc trước thời hạn, chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

4. Đánh giá, xác định kết quả sau khi thử nghiệm để xem xét, quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, gia hạn thử nghiệm.

5. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết trong phạm vi thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan, tổ chức liên quan hoặc tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm giải quyết đối với các kiến nghị, phản ánh của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát hoặc của bên thứ ba về việc thử nghiệm.

6. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, xây dựng và đề xuất phương án hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm trong trường hợp cần thiết.

7. Được miễn, loại trừ trách nhiệm theo quy định tại Điều 22 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm

Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật dân sự, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật có liên quan, trừ các điều, khoản quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng đã được ghi trong Quyết định cấp phép thử nghiệm trong thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng được cấp phép.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tham gia thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại Điều 23 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Bổ sung các biện pháp kiểm soát rủi ro khi có nguy cơ xảy ra sự cố mất an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này; báo cáo, giải trình về các vấn đề phát sinh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

4. Phối hợp trong hoạt động kiểm soát, đánh giá; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường trực tuyến trong hoạt động kiểm soát, đánh giá thử nghiệm; có trách nhiệm kết nối, cung cấp thông tin về hoạt động thử nghiệm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

5. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

6. Được đề nghị gia hạn thử nghiệm, điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm, đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn, được chứng nhận hoàn thành thử nghiệm theo các quy định tại Nghị định này.

7. Được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm hỗ trợ, giải đáp các vướng mắc, hướng dẫn triển khai trong quá trình thử nghiệm.

8. Được miễn, loại trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Điều 22 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 23. Nguyên tắc lập hồ sơ đề nghị thử nghiệm, gia hạn thử nghiệm, điều chỉnh thử nghiệm, kết thúc thử nghiệm

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt.

2. Tổ chức, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị thử nghiệm, gia hạn thử nghiệm, điều chỉnh thử nghiệm, kết thúc thử nghiệm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

Điều 24. Hồ sơ đề nghị thử nghiệm

1. Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan nếu có).

3. Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.

5. Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).

6. Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác nếu có).

Điều 25. Quy trình xét duyệt tham gia thử nghiệm

1. Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thử nghiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm để xem xét, giải quyết. Hồ sơ đề nghị thử nghiệm được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị thử nghiệm không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm bổ sung thành phần hồ sơ đề nghị thử nghiệm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có văn bản trả lại hồ sơ đề nghị thử nghiệm.

4. Trong thời hạn 60 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thử nghiệm hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất việc thẩm định hồ sơ đề nghị thử nghiệm (bao gồm cả việc kiểm tra thực tế nếu cần thiết).

5. Trường hợp hồ sơ đề nghị thử nghiệm cần được giải trình, làm rõ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp giải trình, làm rõ hồ sơ đề nghị thử nghiệm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.

Sau 15 ngày, nếu tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm không có văn bản giải trình, làm rõ theo yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có văn bản trả lại hồ sơ đề nghị thử nghiệm.

6. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm ban hành Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm ban hành Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm phải tiến hành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không tiến hành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đúng quy định trên, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm ban hành Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm

1. Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và đề xuất phương án gia hạn thử nghiệm.

Điều 27. Quy trình gia hạn thử nghiệm

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm trước thời điểm hết thời gian thử nghiệm tối thiểu 60 ngày. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ, muộn nhất 15 ngày trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm xem xét, quyết định cho phép gia hạn thử nghiệm bằng Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; trường hợp không gia hạn, phải thông báo lý do bằng văn bản.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm

1. Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm (trước thời hạn hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất kết thúc thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; báo cáo giải trình lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm.

Điều 29. Quy trình kết thúc thử nghiệm

1. Hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm trước thời điểm đề xuất kết thúc tối thiểu 30 ngày. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sau 15 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị kết thúc thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm xem xét, quyết định kết thúc thử nghiệm bằng Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS07 hoặc Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm

1. Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm (điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm hoặc tạm dừng thử nghiệm) sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS08 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đến thời điểm đề xuất điều chỉnh theo Mẫu số TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; báo cáo giải trình lý do đề nghị điều chỉnh thử nghiệm.

Điều 31. Quy trình điều chỉnh thử nghiệm

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm trước thời điểm đề xuất điều chỉnh thử nghiệm tối thiểu 30 ngày. Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sau 15 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh thử nghiệm đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm xem xét, quyết định cho phép điều chỉnh thử nghiệm bằng Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS09 hoặc Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 32. Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

1. Khi kết thúc thử nghiệm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 hoặc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn thuộc trường hợp tại điểm a, b khoản 2 Điều 20 Nghị định này, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm gửi hồ sơ đề nghị để cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm xem xét, quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định này.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm ban hành Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định này.

Điều 33. Giám sát quá trình thử nghiệm

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm thực hiện giám sát quá trình thử nghiệm thông qua các hoạt động như sau:

a) Thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu do tổ chức, doanh nghiệp, người tham gia thử nghiệm, cơ quan có thẩm quyền cung cấp hoặc thu thập từ quá trình kiểm tra thực tế;

b) Đánh giá hoạt động thử nghiệm căn cứ trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Cảnh báo, khuyến nghị bằng văn bản đối với tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm trong trường hợp phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn;

d) Tạm dừng thử nghiệm theo quy định tại Điều 19 hoặc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra thực tế định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất khi phát hiện những vấn đề có liên quan đến rủi ro cần thu thập thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu. Việc kiểm tra thực tế định kỳ phải được thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm ít nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành kiểm tra.

Điều 34. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin

1. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng, báo cáo kết quả thử nghiệm sau khi kết thúc thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS11 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi phát hiện nguy cơ xảy ra rủi ro.

2. Việc nộp báo cáo, cung cấp thông tin được thực hiện qua phương thức điện tử hoặc văn bản tới cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm đồng thời gửi tới Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành trừ quy định tại Điều 36 Nghị định này.

Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những nội dung liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin đã được phê duyệt, hoặc tổ chức triển khai trước ngày Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết liên quan đến công nghiệp công nghệ thông tin trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân lựa chọn áp dụng quy định tại Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Chí Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số TNCNS01	Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS02	Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS03	Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS04	Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS05	Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS06	Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS07	Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS08	Đơn đề nghị điều chỉnh thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS09	Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS10	Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
Mẫu số TNCNS11	Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Mẫu số TNCNS01. Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định cấp phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị tham gia thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

d) Nội dung đề xuất các quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khi triển khai thử nghiệm:

.....

.....

4. Hồ sơ kèm theo (đánh dấu X vào ô tương ứng):

☐ Kế hoạch thử nghiệm (gồm: thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm và các thông tin khác liên quan).

☐ Báo cáo đánh giá tác động đến người tham gia thử nghiệm, tổ chức, cá nhân có liên quan.

☐ Báo cáo đánh giá về lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa của sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đề nghị thử nghiệm.

☐ Phương án bảo đảm an toàn (về tài sản, sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia, cộng đồng, xã hội; bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát; phạm vi, biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm).

☐ Phương án kỹ thuật để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm (gồm: tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn, chất lượng; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật liên quan; phương án bảo trì và các nội dung kỹ thuật liên quan khác).

5. Cam kết của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tham gia thử nghiệm:

Chúng tôi cam kết:

a) Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và nội dung được phê duyệt;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn và các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ; không sao chép, giả mạo giấy tờ chứng minh điều kiện và tiêu chí thử nghiệm;

c) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và cung cấp thông tin khi được yêu cầu.

Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét hồ sơ và cấp phép tham gia thử nghiệm theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tham gia thử nghiệm.

… (3) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS02. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-...	*... , ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Xét Đơn đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số và hồ sơ kèm theo của ... (1) ... ;

Theo đề nghị của ... (2) ... ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (4) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm (không quá 03 năm): Từ …/…/… đến …/…/…

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

4. Phê duyệt phương án, kế hoạch thử nghiệm kèm theo (trong đó nêu rõ quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khi triển khai thử nghiệm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thử nghiệm.

Điều 3. … (2) …, … (1) …, … (3) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (2) … : Người đứng đầu đơn vị tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (3) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (4) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS03. Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số ... /2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định cho phép gia hạn thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị gia hạn thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Thời gian thử nghiệm được cấp ban đầu

Từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

5. Lý do đề nghị gia hạn

(Trình bày rõ lý do cần gia hạn, kèm các tài liệu chứng minh)

6. Thời gian gia hạn đề nghị

Gia hạn thêm … tháng, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ quy định về thử nghiệm tại Nghị định số …/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan trong thời gian gia hạn; thực hiện thử nghiệm đúng thời gian được gia hạn, không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm và báo cáo định kỳ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực của thông tin và tài liệu trong đơn này. Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và chấp thuận gia hạn thử nghiệm cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm: Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm (Mẫu số TNCNS11) và tài liệu liên quan khác.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị gia hạn.

… (3) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS04. Quyết định gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-...	*... , ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm của ... (2) ... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của ... (3) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được gia hạn thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (5) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được gia hạn thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Về việc gia hạn thử nghiệm

… (2) … được tiếp tục thử nghiệm thêm … (ngày/tháng) kể từ khi kết thúc thời gian thử nghiệm theo Quyết định cấp phép thử nghiệm số …

… (2) … có trách nhiệm triển khai thử nghiệm bảo đảm đúng quy định tại Quyết định này và Quyết định cấp phép thử nghiệm số …

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. … (3) …, … (2) …, … (4) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) … : Người đứng đầu đơn vị tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (4) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (5) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS05. Quyết định tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-...	*... , ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm hoặc đề xuất tạm dừng của ... (2) ... và đề xuất của ... (3) ....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số:

- Tên sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

- Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Thời gian tạm dừng: từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm … hoặc đến thời điểm có văn bản cho phép tiếp tục thử nghiệm hoặc Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

Điều 3. Lý do tạm dừng:

(Ghi rõ lý do: theo khoản nào của Điều 19 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số)

Điều 4. Trong thời gian tạm dừng, ... *(2)* ... phải:

- Ngừng ngay việc triển khai thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát.

- Báo cáo cho cơ quan quản lý về tình hình khắc phục sự cố.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. ... (3) ..., ... (2) ..., ... (4) ... và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

... (1) ... : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

... (2) ... : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ... : Người đứng đầu đơn vị tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

... (4) ...: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

Mẫu số TNCNS06. Đơn đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
kết thúc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số
(trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm) (*)

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày … tháng ... năm ...

4. Thời gian thử nghiệm được cấp ban đầu

Từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

5. Thời điểm đề nghị kết thúc thử nghiệm trước thời hạn/Thời điểm kết thúc thử nghiệm (đối với trường hợp đề nghị chứng nhận hoàn thành thử nghiệm): ngày … tháng … năm …

6. Lý do đề nghị kết thúc thử nghiệm

(Trình bày rõ lý do, ví dụ: kết thúc thử nghiệm đúng thời hạn hoặc hoàn thành mục tiêu thử nghiệm sớm, hiệu quả đạt yêu cầu, không còn nhu cầu tiếp tục, hoặc phát sinh yếu tố khiến việc tiếp tục thử nghiệm không còn phù hợp…)…

Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm kết thúc.

- Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin trong đơn này.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận cho chúng tôi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát trước thời hạn/chứng nhận hoàn thành thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: …

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

(*): Sử dụng 1 trong 2 trường hợp.

Mẫu số TNCNS07. Quyết định kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-...	*... , ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm của ... (2) ... ; đề xuất của ... (3) .... và đơn đề nghị của... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc thử nghiệm trước thời hạn đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (5) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Về việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

a) Thời điểm kết thúc thử nghiệm trước thời hạn: ngày … tháng … năm …

b) Lý do kết thúc thử nghiệm trước thời hạn:

(Trình bày rõ lý do, ví dụ: theo đề nghị của tổ chức hoặc hoàn thành mục tiêu thử nghiệm, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý, ...)

Điều 2. Tổ chức/doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm kết thúc;

2. Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ;

3. Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc kết thúc thử nghiệm trước thời hạn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày …

Điều 4. … (3) …, … (2) …, … (4) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) … : Người đứng đầu đơn vị tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (4) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (5) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS08. Đơn đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Điều chỉnh thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

(điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm/tạm dừng thử nghiệm) (*)

Kính gửi: … (1) …

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Chúng tôi, … (2) … trân trọng đề nghị … (1) … xem xét, quyết định cho phép điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số của chúng tôi, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (3) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

4. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm đã được cấp phép:

a) Thời gian thử nghiệm: Từ .../.../... đến .../.../...

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

5. Nội dung đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm

(Trình bày rõ, cụ thể điều chỉnh kế hoạch và lý do đề nghị điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm)

Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo kết quả thử nghiệm đến thời điểm điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm.

- Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan khi điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm.

- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng, đối tác, người tham gia thử nghiệm có kiểm soát liên quan đến sản phẩm, dịch vụ đang thử nghiệm.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin trong đơn này.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, chấp thuận cho chúng tôi điều chỉnh kế hoạch, phương án/tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:...

... (1) ... : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

... (2) ... : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

... (3) ... : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

(*): Sử dụng 1 trong 2 trường hợp.

Mẫu số TNCNS09. Quyết định điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-...	*... , ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét tình hình thực hiện thử nghiệm của ... (2) ... ; đề xuất của ... (3) .... và đơn đề nghị điều chỉnh của .... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số với nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm:

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (5) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đang thử nghiệm:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Nội dung điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm:

Điều 2. … (2) … có trách nhiệm triển khai thử nghiệm đúng theo Quyết định cấp phép thử nghiệm và nội dung điều chỉnh kế hoạch, phương án thử nghiệm tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. … (3) …, … (2) …, … (4) … và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) … : Người đứng đầu đơn vị tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (4) …: Người đứng đầu đơn vị được phân công phối hợp bởi cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (5) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS10. Quyết định chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-...	*... , ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1) ... về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số;

Xét kết quả thực hiện thử nghiệm của ... (2) ... ; đề xuất của ... (3) .... và đơn đề nghị của... (2) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành thử nghiệm:

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

4. Địa điểm đặt trụ sở chính:

5. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

6. Người đại diện theo pháp luật: … (4) …

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Sinh ngày: Quốc tịch:

- Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

Điều 2. Sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã hoàn thành thử nghiệm:

1. Tên sản phẩm, dịch vụ:

2. Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

3. Mục tiêu thử nghiệm:

Điều 3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

1. Thời gian thử nghiệm: Từ …/…/… đến …/…/…

2. Không gian thử nghiệm:

3. Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

Điều 4. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 5. Kết quả thử nghiệm:

(Tóm tắt kết quả đạt được, xác nhận sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chí theo quy định pháp luật)

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

CHỨC VU NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Tên tổ chức, doanh nghiệp.

… (3) … : Người đứng đầu đơn vị tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

… (4) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.

Mẫu số TNCNS11. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Kính gửi: … (1) …

1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm

a) Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b) Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/Quyết định chức năng nhiệm vụ số … được cấp bởi ... ngày… tháng … năm …

c) Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):

d) Địa điểm đặt trụ sở chính:

đ) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: Email:

e) Người đại diện theo pháp luật: … (2) …

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Sinh ngày: Quốc tịch:

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

2. Thông tin sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thử nghiệm

a) Tên sản phẩm, dịch vụ:

b) Mô tả về sản phẩm, dịch vụ:

c) Mục tiêu thử nghiệm:

3. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm: Từ …/…/… đến …/…/…

b) Không gian thử nghiệm:

c) Phạm vi và đối tượng thử nghiệm:

4. Được cấp phép thử nghiệm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...

5. Kết quả đạt được

- Mục tiêu đã hoàn thành:
- Các chỉ tiêu kỹ thuật, vận hành:
- Phản hồi từ người dùng/đối tượng tham gia:
- Các thông tin khác nếu có

6. Khó khăn, vướng mắc, giải pháp khắc phục, đề xuất kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc:
- Nguyên nhân:
- Giải pháp khắc phục:
- Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ...;
...
- Lưu: ...

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

… (1) … : Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

… (2) … : Trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật đề nghị liệt kê đầy đủ.